TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 310/2023/DS-PT

Ngày 14/7/2023

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 312/TB-TA ngày 16/6/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 350/TB-TA ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1967

1.2. Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1964

Cùng trú tại: ấp T, xã T, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà H: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956; trú tại: 00, đường T, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Bá C**, sinh năm 1969

2.2. Bà **Lương Thị M**, sinh năm 1968

Cùng trú tại: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại Đơn khởi kiện ngày 17/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2017, vợ chồng ông bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng (07 năm), trả gốc và lãi định kỳ 03 tháng/lần. Sau đó, ông bà có cho ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M vay lại số tiền 160.000.000 đồng (hình thức nhờ vay dùm), cam kết trả gốc và lãi trên số tiền đã vay theo lịch trả nợ của Ngân hàng. Sau khi vay, ông C, bà M có đưa tiền cho ông bà để trả cho Ngân hàng được 02 năm đầu (từ ngày 17/8/2017 đến 17/8/2019) với tổng số tiền là 59.160.000 đồng, sau đó thì ngưng.

Từ khi vay, ông bà đã trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 184.084.200 đồng. Từ 17/8/2019 đến nay đã 03 năm thì ông bà phải hỏi vay tiền bên ngoài để trả nợ cho Ngân hàng. Ông bà nhiều lần yêu cầu ông C, bà M phải tiếp tục đưa tiền để trả nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông C và bà M phải trả số tiền 124.924.000 đồng, đây là khoản tiền mà ông bà đã trả nợ cho Ngân hàng thay ông C, bà M (đã trừ số tiền 59.160.000 đồng mà ông C bà M đã đưa để trả nợ Ngân hàng). Đồng thời, ông C, bà M còn phải trả số tiền 127.450.000 đồng, đây là khoản tiền lãi mà ông bà phải vay bên ngoài để trả nợ Ngân hàng thay cho bị đơn.

- Bị đơn trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2017, ông bà có vay của ông T và bà H số tiền 160.000.000 đồng. Sau khi vay, ông bà có đưa tiền cho ông T, bà H để trả gốc và lãi cho Ngân hàng được 02 năm, số tiền tổng cộng 59.160.000 đồng, sau đó thì ngưng cho đến nay.

Nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông T và bà H số tiền 124.924.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 127.450.000 đồng theo yêu cầu của ông T, bà H. Bởi vì, nguyên đơn chỉ nói là vay bên ngoài mà thực sự có vay hay không thì ông bà không thể biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H.

Buộc ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H số tiền 124.924.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 127.450.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/01/2023, ông T và bà H kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền mà nguyên đơn cho rằng đã đóng cho Ngân hàng là 252.374.000 đồng và số tiền còn lại của năm 2023 - 2024 theo hợp đồng vay, giấy báo lịch trả nợ của Ngân hàng, số tiền 42.854.000 đồng, tổng cộng bị đơn phải trả là 295.228.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, còn bị đơn không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền mà nguyên đơn vay ngân hàng 200 triệu đồng thì phần của bị đơn vay lại là 160 triệu đồng, còn nguyên đơn sử dụng 40 triệu đồng nên chia theo tỷ lệ nguyên đơn chiếm 01 phần, còn bị đơn 04 phần. Khoản vay kéo dài 84 tháng (từ tháng 6/2017 – 6/2024) nhưng bị đơn chỉ đưa tiền cho nguyên đơn trả cho ngân hàng được 02 năm đầu từ ngày 17/8/2017 đến 17/8/2019 với tổng số tiền 59.160.000 đồng. Do đó, tính theo tỷ lệ thì số tiền gốc bị đơn thanh toán được 45.715.000 đồng. Theo xác nhận của ngân hàng, từ khi vay đến thời điểm hiện tại, nguyên đơn đã đóng nợ gốc được 164.289.000 đồng, tương ứng với phần nợ của bị đơn phải thực hiện 131.431.200 đồng, bị đơn đã thanh toán số tiền 59.160.000 đồng (trong đó, nợ gốc tương ứng theo tỷ lệ là 45.715.000 đồng), vậy số tiền gốc còn lại nguyên đơn đã đóng cho bị đơn là 85.716.000 đồng, kể từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2023 bị đơn chậm thanh toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền chậm trả theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng ngày 28/6/2017, tương đương mức 1,95%/tháng, cụ thể: Số tiền nợ gốc 85.716.000 đồng x 1,95%/tháng x 46 tháng = 76.887.252 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn đến tháng 7/2023 là 162.603.252 đồng.

Ngoài ra, đối với số tiền 39.377.305 đồng còn lại trong khoản vay của ông T và ông C (trong đó gốc 35.711.000 đồng, lãi tạm tính 3.666.305 đồng), tương ứng theo tỷ lệ nghĩa vụ bị đơn ông C phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc số tiền 28.568.800 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ theo lịch của ngân hàng số tiền trên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Thới Lai nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Lương Thị M là người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo của nguyên đơn và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết:

Năm 2017, vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H thế chấp tài sản để vay số tiền 200 triệu đồng của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ, trả góp mỗi kỳ gốc và lãi 03 tháng một lần, trong thời hạn 84 tháng.

Sau khi vay tiền, ông T, bà H cho vợ chồng ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M (là em ruột, em dâu của ông T) vay lại số tiền 160.000.000 đồng, phần còn lại 40.000.000 đồng ông T, bà H sử dụng. Do tin tưởng nên việc vay tiền giữa nguyên đơn, bị đơn không làm giấy tờ. Tuy nhiên, bị đơn cũng thừa nhận có giao dịch vay số tiền nêu trên của nguyên đơn.

Theo thỏa thuận, bị đơn phải đưa tiền cho nguyên đơn để trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi, đúng bằng với số tiền mà Ngân hàng thu của vợ chồng ông T, bà H và theo thời gian trả nợ như Ngân hàng ấn định.

[3] Xét thấy, vì nguyên đơn vay tiền ngân hàng dùm cho bị đơn, không hưởng lợi gì từ giao dịch cho vay này. Do đó, bị đơn phải trả tiền vay gốc và lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất ngân hàng mới đảm bảo công bằng về quyền lợi. Án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 124.924.000 đồng nhưng không nêu rõ mốc thời gian được tính như thế nào (thời điểm bắt đầu và kết thúc), bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại cho nguyên đơn hay đã chấm dứt, vì khoản vay kéo dài đến tháng 6/2024 mới kết thúc. Trường hợp này, cần phải thu thập thông tin về quan hệ tín dụng giữa nguyên đơn với Ngân hàng để làm cơ sở giải quyết đúng về mối quan hệ vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn. Trong số tiền vốn 200 triệu đồng mà nguyên đơn vay Ngân hàng, nguyên đơn chỉ sử dụng 40.000.000 đồng, tương đương 20%, phần còn 160.000.000 đồng bị đơn sử dụng, tương đương 80% của khoản vay.

Theo thông tin Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 281/CV-MB-CTH ngày 14/6/2023, phúc đáp cho Tòa án cấp phúc thẩm, kèm Bảng sao kê lịch sử trả nợ khế ước, thấy rằng:

Nguyên đơn vay tiền ngân hàng thời hạn 84 tháng, trả dần theo kỳ, 03 tháng trả một lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng gốc và lãi, ấn định vào ngày 15 của mỗi kỳ trả nợ (trả kỳ đầu tiên vào ngày 15/9/2017 và kỳ cuối kết thúc ngày 28/6/2024).

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 6/2019 là 08 kỳ trả góp, bị đơn có đưa tiền cho nguyên đơn trả cho ngân hàng trong khoảng thời gian này theo trình bày của các đương sự số tiền là 59.160.000 đồng, trong đó phần tiền gốc đã trả được tính như sau:

7.143.000 đồng x 8 kỳ x 80% = 45.715.200 đồng (phần còn lại 13.444.800 đồng là thanh toán tiền lãi). Như vậy, số tiền gốc còn lại mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn sẽ là: 160.000.000 đồng - 45.715.200 đồng = 114.284.800 đồng. Trong số tiền gốc còn lại 114.284.800 đồng chưa trả này, trong đó: 28.568.800 đồng, nguyên đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng (nằm ở các kỳ thanh toán từ tháng 6/2023 đến 6/2024) và 85.716.000 đồng nguyên đơn đã trả thay bị đơn (nằm trong mốc thời gian ở các kỳ thanh toán từ tháng 9/2019 đến tháng 3/2023).

Do bị đơn không trả nợ đúng thời hạn và số tiền qua các kỳ thanh toán như đã thỏa thuận khi vay nên nguyên đơn phải vay tiền ở bên ngoài để trả ngân hàng thay cho bị đơn là phù hợp với thực tế. Do đó, để đảm bảo công bằng về quyền lợi, thì bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi nợ quá hạn do chậm trả được tính trên số tiền gốc chưa trả 85.716.000 đồng nằm trong khoảng thời gian của các kỳ thanh toán bắt đầu từ tháng 9/2019 đến nay (tháng 7/2023) là 46 tháng theo mức lãi suất mà ngân hàng cho vay 15,5%/năm, tương đương 1,3%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, tương đương 1,95%/tháng và được tính cụ thể: 85.716.000 đồng x 1,95%/tháng x 46 tháng = 76.887.252 đồng.

Như vậy, bị đơn phải trả tiền gốc và lãi tính đến thời điểm tháng 7/2023 là 162.603.252 đồng (85.716.000 đồng + 76.887.252 đồng).

[4] Do bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng thời hạn trả nợ và để giải quyết dứt điểm, triệt để giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn, không phát sinh thêm vụ tranh chấp phần tiền nợ gốc còn lại, nghĩ nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 28.568.800 đồng (ở các kỳ thanh toán từ tháng 6/2023 đến 6/2024) theo mức lãi suất vay 15,5%/năm tính từ sau ngày 14/7/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp.

Tổng cộng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền ở hai khoản nêu trên là 191.172.052 đồng (162.603.252 đồng + 28.568.800 đồng). Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng 295.228.000 đồng cũng là chưa đủ căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần nên cần sửa bản án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, cụ thể: 191.172.052 đồng x 5% = 9.558.600 đồng (làm tròn).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 295.228.000 đồng nhưng chỉ được chấp nhận một phần, số tiền 191.172.052 đồng nên phải chịu án phí phần không được chấp nhận, cụ thể: 104.055.948 đồng x 5% = 5.202.700 đồng (làm tròn).

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 143/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1/. Buộc ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H số tiền 162.603.252 đồng *(một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm lẻ ba ngàn hai trăm năm mươi hai đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chưa trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2/. Buộc ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H số tiền 28.568.800 đồng *(hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm đồng)* và tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 15,5%/năm kể từ ngày 14/7/2023 trở về sau cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2/. Trừ số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả và được chấp nhận như nêu trên, tổng cộng 191.172.052 đồng thì phần chênh lệch còn lại nguyên đơn yêu cầu nhưng không có căn cứ chấp nhận là 104.055.948 đồng.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Bá T, bà Dương Thị H phải chịu 5.202.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.114.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005724 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Thới Lai, ông T, bà H phải nộp thêm số tiền chênh lệch còn thiếu 91.700 đồng (chín mươi mốt ngàn bảy trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Bá C, bà Lương Thị M phải chịu số tiền 9.558.600 đồng (chín triệu năm trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

4*/. Về án phí dân sự phúc thẩm:* Không ai phải chịu.

Ông T, bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông bà đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005941 ngày 03 tháng 01 năm 2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-.Các đương sự;
-.VKSND TP. Cần Thơ;
-.Chi Cục THADS huyện Thới Lai
-.TAND huyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh